TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU TỈNH SÓC TRĂNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10/8/2018
"V/v xin L. hôn và tranh chấp quyền nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Sen

2. Ông Triệu Kh. Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa: Ông Lý Đêm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2018/TLST-HNGĐ ngày 15/5/2018. Về tranh chấp hôn nhân và gia đình - Xin L. hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2018/QĐST- HNGĐ ngày 24/7/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh T.M.K., sinh năm 1990;

Địa chỉ: số 44, khóm Wáth Pích, phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Chị T.T.S.L., sinh năm 1987;

Địa chỉ: số 242, khóm W. P., phường V. Ph., thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn K. kiện xin L. hôn ngày 15/5/2018 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn T.M.K. trình bày: Năm 2011, anh K. kết hôn với chị T.T.S.L.

có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phước (nay là phường Vĩnh Phước), thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 30/6/2011.

- Sau khi kết hôn, hai người sống chung với gia đình của anh K. tại số 44, khóm Wáth Pích, phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Quá trình chung sống anh K. và chị L. có một người con chung tên T.M.K., (nam) sinh ngày 18/7/2012. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, không đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cải làm cho tình cảm vợ chồng phai nhạt dẫn đến mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng và đã không còn sống chung với nhau từ ngày 03/9/2017. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau, anh T.M.K. yêu cầu Tòa án giải quyết được L. hôn với chị T.T.S.L..

- Về con chung: Cháu T.M.K., (nam) sinh ngày 18/7/2012 hiện đang sinh sống với anh K., anh K. yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh., không yêu cầu chị L. phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T.M.K. không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Đối với bị đơn chị T.T.S.L.: Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng chị L. không có mặt tại địa phương, người thân không đồng ý nhận thay các văn bản của tòa án để thông báo lại cho chị L. theo quy định của pháp luật. Tòa án tiến hành xác minh đối với chính quyền địa phương tại nơi chị L. cư trú thì được Trưởng ban nhân dân khóm Wáth Pích, phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu cung cấp thông tin: chị L. có đăng lý hộ khẩu thường trú tại số nhà 242, khóm Wáth Pích, phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, hiện tại thì chị L. đi làm công không thường xuyên có mặt tại địa phương, gia đình và người thân không đồng ý nhận các văn bản của tòa án để giao lại cho chị L.. Do đó, tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng của tòa án cần tống đạt cho chị L. theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị L. không có văn bản trình bày ý kiến, đối với yêu cầu K. kiện của nguyên đơn gửi Tòa án. Theo thủ tục tố tụng, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, triệu tập hợp lệ bị đơn để tham gia nhưng chị L. không hợp tác mà vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên hòa giải không có lý do. Do đó, Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Kể từ khi thụ lý đến thời điểm tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự khi tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử cho anh T.M.K. được L. hôn với chị T.T.S.L.; Giao cho anh T.M.K. được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên T.M.K., (nam) sinh ngày 18/7/2012; ghi nhận sự tự nguyện của anh K. về việc không yêu cầu chị T.T.S.L. phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung nguyên đơn không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của nguyên đơn T.M.K.. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này, anh K. yêu cầu L. hôn với chị L. và giải quyết quyền trực tiếp nuôi con chung. Quan hệ pháp luật nêu trên được điều chỉnh tại các Điều 51, 56 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn T.T.S.L. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối gì nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn T.T.S.L..

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phước (nay là phường Vĩnh Phước), thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 30/6/2011 theo đúng quy định. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 189 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phước (nay là phường Vĩnh Phước), thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 30/6/2011, Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh con mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của nguyên đơn T.M.K. có kết hôn với bị đơn T.T.S.L. là sự thật, được quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, giữa anh T.M.K. và chị T.T.S.L. đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, sau đó thì bất đồng quan điểm, mâu thuẫn ngày

càng trầm trọng dẫn đến anh K. và chị L. không thể tiếp tục sống chung với nhau. Cụ thể từ ngày 03/9/2017 chị L. đã về sinh sống với cha mẹ ruột tại số nhà 242, khóm Wáth Pích, phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng sau đó đi Thành phố làm công đến nay không còn liên lạc với nhau nữa.

Tại phiên tòa, nguyên đơn kiên quyết xin L. hôn vì cho rằng vợ chồng không còn tình cảm thương yêu nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Xét thấy, trong quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện không còn sống chung với nhau, cuộc sống vợ chồng mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình là đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Từ đó chứng tỏ rằng tình yêu giữa vợ chồng không còn nữa, mặc dù đang tồn tại quan hệ hôn nhân nhưng giữa anh K. và chị L. không có tình nghĩa vợ chồng. Những biểu hiện trên cho thấy, nguyên đơn và bị đơn không thể sống chung để cùng nhau xây dựng được gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn T.M.K. và bị đơn T.T.S.L. thật sự trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ những phân tích nhận định như trên, xét yêu cầu xin L. hôn của nguyên đơn T.M.K. đối với bị đơn T.T.S.L. là có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết cho anh T.M.K. được L. hôn với chị T.T.S.L..

[3] Về con chung: Anh T.M.K. và chị T.T.S.L. có với nhau một người con chung là T.M.K., (nam) sinh ngày 18/7/2012 hiện đang sinh sống với anh K..Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, anh T.M.K. có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, cháu T.M.K. đã được anh K. trực tiếp chăm sóc, giáo dục trong một thời gian dài và hiện đang chung sống với anh K., cuộc sống của cháu Kh. vẫn được đảm bảo phát triển tốt về tinh thần và thể chất. Trong khi đó, chị T.T.S.L. không thường xuyên chăm sóc giáo dục con chung, cụ thể là chị L. đã bỏ đi không còn sống chung với anh K. và cháu Kh. từ năm 2017. Do đó, để đảm bảo được quyền lợi và sự phát triển của cháu Kh., Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu T.M.K. cho anh T.M.K. được trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh T.M.K. trình bày: Nếu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh., anh K. không yêu cầu chị L. phải cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận ý chí tự nguyện của nguyên đơn T.M.K. về việc không yêu cầu bị đơn T.T.S.L. phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn T.M.K. không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là: 300.000 đồng nguyên đơn T.M.K. phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã nêu là có căn cứ phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm c Khoản 1 Điều 92, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 và Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh T.M.K. được L. hôn với chị T.T.S.L..

2. Về con chung:

- Giao cho anh T.M.K. được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là cháu T.M.K., (nam) sinh ngày 18/7/2012. Ghi nhận ý chí tự nguyện của anh T.M.K., về việc không yêu cầu chị T.T.S.L. cấp dưỡng nuôi con.

Trong thời gian anh K. nuôi con, không ai có quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc và giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T.M.K. không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn T.M.K. phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000880, ngày 15/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, anh T.M.K. đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các khoản tiền trên đương sự nộp và nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đối với bị đơn thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận
-VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án
- UBND Phường Vĩnh Phước.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Toàn